

ĐƠN VỊ :TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRỤ
Chương : 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

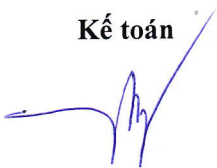
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, cá tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Tân Trụ công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2024 :

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỉ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỉ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.349,39	3.411,27	22,22%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15.349,39	3.411,27	22,22%	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.619,37	2.290,93	30,07%	
	Nguồn 13	7.619,37	2.290,93	30,07%	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.730,02	1.120,34	79,34%	77,11%
	Nguồn 12	283,83	189,72	66,84%	10,75%
	Nguồn 14	7.446,19	930,62	12,50%	66,37%

Kế toán



Huỳnh Thị Nho

Tân Bình, ngày 11 tháng 10 năm 2024
Hiệu trưởng



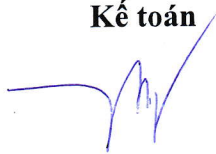
Hà Thị Lương

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRỤCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÔNG KHAI**
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3 NĂM 2024

I. Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	:	2.290.927.479	đồng
6001 Lương theo ngạch, bậc	:	1.263.385.801	đồng
6101 Phụ cấp chức vụ	:	17.901.000	đồng
6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	:	287.015.400	đồng
6113 Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	702.000	đồng
6115 Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	251.856.558	đồng
6301 Bảo hiểm xã hội	:	260.634.370	đồng
6302 Bảo hiểm y tế	:	45.994.301	đồng
6303 Kinh phí công đoàn	:	30.662.869	đồng
6304 Bảo hiểm thất nghiệp	:	15.331.433	đồng
6349 Các khoản đóng góp khác	:	7.665.717	đồng
6504 Tiền vệ sinh, môi trường	:	842.456	đồng
6599 Vật tư văn phòng khác	:	3.641.000	đồng
6601 Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bac	:	66.699	đồng
6704 Khoản công tác phí	:	3.000.000	đồng
6757 Thuê lao động trong nước	:	44.640.000	đồng
6799 Chi phí thuê mướn khác	:	12.430.800	đồng
6912 Các thiết bị công nghệ thông tin	:	13.750.000	đồng
6921 Đường điện, cấp thoát nước	:	2.793.340	đồng
7004 Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	:	6.652.800	đồng
7012 Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	912.000	đồng
7049 Chi khác	:	13.480.000	đồng
II. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 14)	:	930.616.110	đồng
6449 Chi khác	:	930.616.110	đồng
III. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	:	189.721.590	đồng
6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	:	127.353.090	đồng
6954 Tài sản và thiết bị chuyên dùng	:	49.170.000	đồng
7001 Chi mua hàng hóa, vật tư	:	13.198.500	đồng

Tân Bình, ngày 11 tháng 10 năm 2024

Kế toán



Huỳnh Thị Nho

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương